

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM-PT

Ngày: 29 - 4 - 2022

*V/v “Tranh chấp hợp đồng cung ứng vật tư  
và thi công xây lắp các thiết bị điện”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thắm.

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Lê Văn Duy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2021/TBTL-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng cung ứng vật tư và thi công xây lắp các thiết bị điện.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2021/KDTM-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2022/QĐXXPT-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần xây dựng F.

Trụ sở chính: Số 265 đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Hương Trần Kiều D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020 của Công ty luật TNHH S):

1. Bà Trần Thị Hồng Nh, sinh năm 1986 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1989.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989.

Cùng trú tại: Phòng 1, tầng 3, Khu Văn phòng, Tòa nhà F Landmard đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn:

1. Công ty TNHH Thương mại xây dựng T.

Trụ sở chính: Lầu 3, số 137 đường L, phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Phước L, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1976 (văn bản ủy quyền ngày 18/12/2019).

Địa chỉ: Số 183/9 đường Đ, phường 21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH Xây lắp thương mại N.

Trụ sở chính: Số 22/3 đường T, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thanh B, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1976 (văn bản ủy quyền ngày 01/10/2020 tại Văn phòng Công chứng L, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) (có mặt).

Địa chỉ: Số 183/9 đường Đ, phường 21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng F; bị đơn Công ty TNHH thương mại xây dựng T và Công ty TNHH xây lắp thương mại N, trong vụ án.

- Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 356/QĐ-VKS ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Trần Thị Hồng Nh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng F, trình bày:*

- Về yêu cầu khởi kiện: Năm 2017 giữa Công ty cổ phần xây dựng F (gọi tắt là F) và Liên doanh nhà thầu Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N (gọi tắt là Liên doanh) ký với nhau Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 về việc Liên doanh cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hạ tầng cấp trung thế và các trạm biến áp của dự án L Quy Nhơn tại xã N, thành phố Q, tổng giá trị hợp đồng là 13.900.000.000đ (bao gồm VAT). Theo thỏa thuận hợp đồng F đã 04 lần chuyển số tiền tạm ứng 5.054.545.455đ cho Liên doanh (cụ thể: Ngày

25/12/2017 chuyển 1.000.000.000đ tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - chi nhánh H; Ngày 03/01/2018 chuyển 1.000.000.000đ tại Ngân hàng BIDV – chi nhánh T, thành phố Hà Nội; Ngày 22/01/2018 chuyển 1.500.000.000đ tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - chi nhánh H; Ngày 26/01/2018 chuyển 1.554.545.455đ tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - chi nhánh H).

Sau khi đối chiếu khối lượng ngày 22/12/2020 thì Liên doanh chỉ thực hiện được một phần hợp đồng là lắp đặt đường cáp ngầm trung thế dài 1.495m và đường cáp ngầm trung thế dài 169m bị tắt ống không sử dụng. F chỉ chấp nhận thanh toán cho Liên doanh đường cáp ngầm trung thế 1.495m giá trị 577.442.140đ (đã có VAT) với điều kiện Liên doanh cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ: Hồ sơ thiết kế dự án; Hồ sơ về mặt chất lượng công trình; Hồ sơ pháp lý Liên doanh, bảng vẽ hoàn công. Riêng phần đường cáp ngầm trung thế 169m bị tắt F không sử dụng nên không chấp nhận trả tiền theo yêu cầu của Liên doanh.

Khoảng tháng 02 năm 2018 Liên doanh tự ý không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên F thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng bằng cách ban hành Công văn số 71/CV-FL F ngày 23/9/2018 đề nghị Liên doanh chấm dứt Hợp đồng thi công số 689 và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.

Nay F khởi kiện yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017; Yêu cầu Liên doanh liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền tạm ứng đã nhận 5.054.545.455đ; Yêu cầu áp dụng Điều 306 Luật Thương mại 2005 buộc Liên doanh trả tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc 5.054.545.455đ tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2021 với mức lãi suất 9%/năm thành tiền là 1.184.009.962đ; Yêu cầu Liên doanh trả khoản phạt vi phạm bằng 12% giá trị hợp đồng theo quy định tại Điều 21.5 Hợp đồng thi công số 689 thành tiền là 1.668.000.000đ.

- Về yêu cầu phản tố: Hợp đồng thi công số 696/2016/HĐTC ngày 26/12/2016 đã hoàn thành và đưa công trình vào sử dụng, tuy nhiên F chỉ chấp nhận thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành 2.425.966.511đ với điều kiện Liên doanh cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ: Hồ sơ thiết kế dự án; Hồ sơ về mặt chất lượng công trình; Hồ sơ pháp lý Liên doanh, bảng vẽ hoàn công và phải khấu trừ số tiền Liên doanh đã tạm ứng của F 779.651.336đ. Tại phiên Tòa, phần chi phí điện lực 135.300.000đ bao gồm VAT (chi phí khảo sát, đóng điện, thí nghiệm, nghiệm thu đóng điện) có quy định theo Hợp đồng 696 F cũng chấp nhận thanh toán khi nhận được hồ sơ chi phí điện lực.

*Ông Nguyễn Thành Tr là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, thống nhất trình bày:*

- Về yêu cầu khởi kiện: Giữa F và Liên doanh ký với nhau Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hạ tầng cáp trung thế và các trạm biến áp của dự án F Quy Nhơn tại xã N, thành phố Q, tổng giá trị là 13.900.000.00đ. F đã chuyển số tiền tạm

ứng 5.054.545.455đ cho Liên doanh theo thỏa thuận hợp đồng như F trình bày là đúng.

Liên doanh đã tiến hành thực hiện được một số phần việc của hợp đồng thì đến tháng 02 năm 2018 tạm dừng không tiếp tục thực hiện nữa vì F chưa xác nhận bằng văn bản điều chỉnh đơn giá liên quan đến khối lượng phát sinh, thực tế đến ngày 10/6/2019 F chưa bàn giao mặt bằng cho Liên doanh tập kết vật tư, F đã ban hành Công văn số 71/CV-FL F ngày 23/9/2018 đề nghị Liên doanh chấm dứt Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.

Ngày 12/12/2020 hai bên đối chiếu khối lượng thì Liên doanh đã lắp đặt đường cáp ngầm trung thế 1.495m trị giá 577.442.140đ (đã có VAT), đường cáp ngầm trung thế 169m bị tắt ống trị giá 66.728.068đ (đã có VAT). Liên doanh đề nghị F thanh toán đường cáp ngầm trung thế 1.495m giá trị 577.442.140đ (đã có VAT) và lấy lại giá trị phần vật tư 169m bị tắt là 53.319.838đ (bao gồm VAT).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Liên doanh không chấp nhận trả lãi vì không có quy định trong hợp đồng và các bên chưa chốt được công nợ do chưa đối trừ nghĩa vụ hai bên; Do F không đáp ứng điều kiện thi công và Điều 21.5 hợp đồng dẫn chiếu đến Điều 15.2 “Bảo vệ môi trường” không có căn cứ và việc dừng thi công do F chưa xác nhận bằng văn bản điều chỉnh đơn giá và thực tế đến ngày 10/6/2019 F chưa bàn giao mặt bằng cho Liên doanh tập kết vật tư, F đã ban hành Công văn số 71/CV-FL F ngày 23/9/2018 đề nghị Liên doanh chấm dứt Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng, do đó Liên doanh không vi phạm hợp đồng nên không chấp nhận phạt vi phạm 12% giá trị hợp đồng; Liên doanh chỉ chấp nhận trả lại khoản tiền đã ứng 5.054.545.455đ của F sau khi trừ đi giá trị khối lượng Liên doanh đã thực hiện 630.761.978đ.

Nếu có phạt vi phạm thì chỉ tối đa 8% theo Luật Thương mại năm 2005 vì hoạt động cung ứng vật tư giữa hai bên là hoạt động thương mại.

- Về yêu cầu phản tố: Năm 2016 giữa F và Liên doanh ký với nhau Hợp đồng thi công số 696/2016/HĐTC ngày 26/12/2016 về việc Liên doanh thực hiện cung cấp vật tư và thi công lắp đặt trạm biến áp, điện hạ tầng vườn thú dự án F Quy Nhơn tại xã N, thành phố Quy Nhơn. Liên doanh đã thi công hoàn tất theo đúng hợp đồng đã ký và đưa công trình vào sử dụng nên Liên doanh yêu cầu F thanh toán phần khối lượng đã đối chiếu 2.561.265.511đ (bao gồm VAT) sau khi khấu trừ số tiền Liên doanh đã tạm ứng của F là 779.651.336đ thì F còn phải thanh toán cho Liên doanh 1.781.614.175đ, Liên doanh không yêu cầu tính lãi.

Liên doanh sẽ cung cấp Hồ sơ thiết kế dự án; Hồ sơ về mặt chất lượng công trình; Hồ sơ pháp lý Liên doanh, bảng vẽ hoàn công và hồ sơ chi phí điện lực theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2021/KDTM-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:*

1. Công nhận sự thống nhất thỏa thuận chấm dứt thực hiện Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 giữa Công ty cổ phần xây dựng F và Liên doanh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng F.

- Buộc Liên doanh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần xây dựng F 4.477.103.315đ (số tiền tạm ứng sau khi trừ đi giá trị khối lượng Liên doanh đã thực hiện 577.442.140đ) và số tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.112.000.000đ. Tổng cộng phải trả 5.589.103.315đ (đã có VAT).

- Bác yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng F đòi Liên doanh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần xây dựng F số tiền lãi 1.184.009.962đ.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Liên doanh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, buộc Công ty cổ phần xây dựng F phải trả cho Liên doanh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N số tiền 1.781.614.175đ (đã có VAT, là giá trị khối lượng công trình sau khi trừ đi số tiền tạm ứng 779.651.336đ).

4. Sau khi bù trừ nghĩa vụ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 (mục 2 phần Quyết định) và yêu cầu phản tố của bị đơn đối với Hợp đồng thi công số 696/2016/HĐTC ngày 26/12/2016 (mục 3 phần Quyết định) thì Liên doanh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N còn phải trả cho Công ty cổ phần xây dựng F số tiền 3.807.489.140đ.

5. Liên doanh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ cho Công ty cổ phần xây dựng F gồm có: Hồ sơ thiết kế dự án; Hồ sơ về mặt chất lượng công trình; Hồ sơ pháp lý Liên doanh, bảng vẽ hoàn công và Hồ sơ chi phí điện lực theo Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 và Hợp đồng số 696/2016/HĐTC ngày 26/12/2016.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 07/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 356/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2021/KDTM-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Buộc Liên danh phải chịu mức phạt vi phạm hợp đồng là 12% giá trị hợp đồng như thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 và sửa lỗi từ “Liên doanh” thành “Liên danh” theo đúng tên gọi của hợp đồng.

- Ngày 02/06/2021 nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng F, kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại mức phạt vi phạm, lãi chậm thanh toán và yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Ngày 28/5/2021 bị đơn Công ty TNHH Thương mại xây dựng T, kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét và chấp nhận cho Liên danh không phải trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.112.000.000đ.

- Ngày 28/5/2021 bị đơn Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận cho Công ty không có nghĩa vụ đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng F.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn Công ty TNHH Xây lắp và thương mại N giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên. Công ty TNHH Thương mại và xây dựng T rút toàn bộ kháng cáo. Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị đối với nội dung kháng nghị sửa từ “Liên doanh” thành “Liên danh”.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phần kháng cáo Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và đình chỉ một phần kháng nghị đối với nội dung rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát; sửa Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH Xây lắp thương mại N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH Thương mại xây dựng T có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, Viện Kiểm sát rút một phần nội dung kháng nghị sửa từ “Liên doanh” thành “Liên danh”. Căn cứ vào khoản 3 Điều 289 Bộ luật Dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và

nội dung kháng nghị nói trên.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng F và bị đơn Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, thấy rằng:

[2.3] Công ty cổ phần xây dựng F và Liên danh nhà thầu Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N cùng thừa nhận có ký với nhau Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 về việc Liên doanh cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hạ tầng cấp trung thế và các trạm biến áp của dự án F Quy Nhơn tại xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, giá trị hợp đồng là 13.900.000.000đ. Thực hiện theo hợp đồng Công ty F đã 04 lần chuyển tiền tạm ứng cho Liên danh tổng cộng 5.054.545.455đ, còn bên Liên danh đã lắp đặt đường cáp ngầm trung thế dài 1.495m trị giá 577.442.140đ (đã có VAT) và đường cáp ngầm trung thế dài 169m bị tắt ống trị giá 66.728.068đ (đã có VAT), sau đó Liên danh tạm dừng thi công từ tháng 02 năm 2018 đến nay.

Liên danh cho rằng việc tạm dừng thi công là do Công ty F không đáp ứng điều kiện thi công, Công ty F chưa xác nhận bằng văn bản điều chỉnh đơn giá, Công ty F thực tế đến ngày 10/6/2019 chưa bàn giao mặt bằng cho Liên danh tập kết vật tư, Công ty F đã ban hành Công văn số 71/CV- FL F ngày 23/9/2018 đề nghị Liên danh chấm dứt Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng nên Liên danh không vi phạm hợp đồng.

Xét thấy các lý do Liên danh đưa ra không phải là điều kiện để Liên danh tạm dừng hợp đồng. Liên danh gửi văn bản số 3000118/CV-NT-TC ngày 05/02/2018 yêu cầu điều chỉnh đơn giá vật tư do Công ty F chậm tạm ứng tiền cho Liên danh 40% giá trị hợp đồng (theo khoản 10.2 Điều 10 thì sẽ tạm ứng trong vòng 05 ngày nhưng Công ty F thanh toán làm 04 lần kéo dài gần 02 tháng) làm cho đơn giá vật tư thay đổi, vì vậy từ tháng 02 năm 2018 Liên danh đã ngừng cung cấp vật tư. Còn bên Công ty F ban hành Công văn số 71/CV- F ngày 23/9/2018 đề nghị Liên danh chấm dứt Hợp đồng vì Liên danh không nhập vật tư về công trường để tiếp tục thực hiện hợp đồng. Liên danh tự ý tạm dừng hợp đồng không báo trước cho Công ty F là vi phạm khoản 21.5 Điều 21 Hợp đồng nên Liên doanh bị phạt vi phạm hợp đồng là có cơ sở.

Tuy nhiên khoản 21.5 Điều 21 hợp đồng thỏa thuận mức phạt 12% giá trị hợp đồng là không phù hợp, bởi vì giữa Công ty F với Liên danh ký kết hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 là hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại nên áp dụng luật chuyên ngành là Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết tranh chấp là có cơ sở. Do đó, án sơ thẩm căn cứ vào Điều 301 Luật Thương mại 2005, tính mức phạt vi phạm là 8% giá trị hợp đồng là có căn cứ.

Theo khoản 21.5 Điều 21 Hợp đồng số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 các bên chỉ thỏa thuận Liên danh hoàn trả lại cho Công ty F toàn

bộ số tiền tạm ứng mà không tính lãi, hơn nữa việc tạm ứng là thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng nếu Công ty F không thực hiện là vi phạm hợp đồng, Liên danh không vay tiền của Công ty F để thực hiện hợp đồng, hai bên cũng chưa đối chiếu được công nợ giữa phần tiền ứng và giá trị khối lượng đã thi công. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty F là phù hợp.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty F và Liên danh thừa nhận có ký với nhau Hợp đồng thi công số 696/2016/HĐTC ngày 26/12/2016 về việc Liên danh thực hiện cung cấp vật tư và thi công lắp đặt trạm biến áp, điện hạ tầng vườn thú dự án F Quy Nhơn tại xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản hòa giải và biên bản đối chất thể hiện các bên đều thừa nhận công trình đã hoàn thành, đóng điện đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2017 và giá trị khối lượng công trình là 2.561.265.511đ (đã có VAT). Trong quá trình làm việc Công ty F chỉ chấp nhận thanh toán 2.425.965.511đ, còn phần chi phí điện lực 135.300.000đ bao gồm chi phí khảo sát, đóng điện, thí nghiệm, nghiệm thu đóng điện có quy định tại Hợp đồng 696 nhưng F chưa nhận hồ sơ các chi phí này nên chưa đồng ý thanh toán. Tại phiên tòa F chấp nhận thanh toán đủ 2.561.265.511đ với điều kiện Liên danh cung cấp đầy đủ Hồ sơ thiết kế dự án; Hồ sơ về mặt chất lượng công trình; Hồ sơ pháp lý Liên doanh, bảng vẽ hoàn công và hồ sơ chi phí điện lực.

Xét thấy, theo kết quả xác minh tại Cơ quan Điện lực Q thì công trình đóng điện và đưa vào vận hành từ ngày 01/4/2017, hiện nay công trình vẫn được sử dụng và các bên không có tranh chấp về chất lượng công trình. Ngoài ra các bên thừa nhận hiện nay các loại giấy tờ: Hồ sơ thiết kế dự án; Hồ sơ về mặt chất lượng công trình; Hồ sơ pháp lý Liên danh, bảng vẽ hoàn công và hồ sơ chi phí điện lực Liên danh chưa cung cấp cho Công ty F. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Liên danh buộc Công ty F phải trả cho Liên danh số tiền 2.561.265.511đ (đã có VAT) và Liên danh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ: Hồ sơ thiết kế dự án; Hồ sơ về mặt chất lượng công trình; Hồ sơ pháp lý Liên danh, Bảng vẽ hoàn công và hồ sơ chi phí điện lực cho Công ty F là có cơ sở.

[2.4] Như đã phân tích tại mục [2.1] và [2.2] thì Liên danh phải có nghĩa vụ trả cho Công ty F tổng số tiền là 5.589.103.315đ. Công ty TNHH Xây lắp thương mại N không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng Công ty TNHH Thương mại xây lắp T trả khoản tiền tạm ứng cho Công ty F nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Xây lắp thương mại N là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát thấy rằng: Như đã phân tích tại mục [2.3] thì mức phạm vi phạm hợp đồng được tính là 8% giá trị hợp đồng.



[4] Từ những phân tích trên, án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần F, chấp nhận phần tố của Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N là có căn cứ, phù hợp với quy định của luật.

[5] Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn Công ty TNHH Thương mại xây dựng T. Không chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn Công ty TNHH Xây lắp thương mại N không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nguyên đơn và bị đơn Công ty TNHH Xây lắp thương mại N phải chịu. Công ty TNHH Thương mại xây dựng T, rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được hoàn trả lại.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Đình chỉ xét xử phần kháng cáo Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và đình chỉ một phần kháng nghị đối với nội dung rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát. Sửa Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 289 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 385, 401, 422 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 1, 2 Điều 50, Điều 301 Luật Thương mại năm 2005; khoản 4, 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và đình chỉ một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đối với nội dung sửa từ “Liên doanh” thành “Liên danh”.

2. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng F và bị đơn Công ty TNHH Xây lắp thương mại N. Không chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/KDTM-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

4. Công nhận sự thống nhất thỏa thuận chấm dứt thực hiện Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 giữa Công ty cổ phần xây dựng F và Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng F.

- Buộc Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần xây dựng F 4.477.103.315đ (là số tiền tạm ứng sau khi trừ đi giá trị khối lượng Liên danh đã thực hiện 577.442.140đ) và số tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.112.000.000đ. Tổng cộng phải trả 5.589.103.315đ (đã có VAT).

- Bác yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng F đòi Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần xây dựng F số tiền lãi 1.184.009.962đ.

6. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, buộc Công ty cổ phần xây dựng F phải trả cho Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N số tiền 1.781.614.175đ (đã có VAT, là giá trị khối lượng công trình sau khi trừ đi số tiền tạm ứng 779.651.336đ).

7. Sau khi bù trừ nghĩa vụ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 (mục 2 phần Quyết định) và yêu cầu phản tố của bị đơn đối với Hợp đồng thi công số 696/2016/HĐTC ngày 26/12/2016 (mục 3 phần Quyết định) thì Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N còn phải trả cho Công ty cổ phần xây dựng F số tiền 3.807.489.140đ.

8. Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ cho Công ty cổ phần xây dựng F gồm có: Hồ sơ thiết kế dự án; Hồ sơ về mặt chất lượng công trình; Hồ sơ pháp lý Liên doanh, bảng vẽ hoàn công và hồ sơ chi phí điện lực theo Hợp đồng thi công số 689/2017/HĐTC ngày 29/11/2017 và Hợp đồng số 696/2016/HĐTC ngày 26/12/2016.

#### 9. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thuê công ty thẩm định giá tổng cộng 25.000.000đ, Công ty cổ phần xây dựng F và Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N mỗi bên phải chịu 12.500.000đ (đã nộp xong).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Công ty cổ phần xây dựng F phải chịu 143.797.000đ án phí, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 57.515.000đ theo biên lai thu số 0001857 ngày 21/8/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Q nên F còn phải nộp 86.282.000đ.

+ Liên danh Công ty TNHH Thương mại xây dựng T và Công ty TNHH Xây lắp thương mại N, phải liên đới chịu 113.589.000đ nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 45.830.000đ theo biên lai thu số 0008233 ngày 17/7/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Q nên Liên danh còn phải nộp 67.759.000đ.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Công ty cổ phần xây dựng F phải chịu 2.000.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002661 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

+ Công ty TNHH Xây lắp thương mại N phải chịu 2.000.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002662 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại xây dựng T 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002715 ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

#### 10. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Đỗ Thị Thắm**